TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH L	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:19/2018/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 16 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 677/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 giữa: Bà Lê Thị Bích C, sinh năm 1978. Địa chỉ: 18 Tăng Bạt H, phường A, thành phố Đ, tỉnh L và ông Nông Minh Q, sinh năm 1976. Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: 18 Tăng Bạt H, phường A, thành phố Đ, tỉnh L; Tạm trú tại: 209/1F Phan Đình P, phường B, thành phố Đ, tỉnh L.

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Bích C và ông Nông Minh Q.

2- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1- Về con chung: Bà Lê Thị Bích C trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nông Minh N, sinh ngày 17/12/2003 cho đến khi con thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2- Về án phí: Bà Lê Thị Bích C thỏa thuận chịu 150.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Căn cứ biên lai thu số AA/2016/0004229 ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, hoàn trả bà C số tiền 150.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân TP.Đ;
- UBND phường A, thành phố Đ;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đoàn Thị Tuyết Nga